

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 tháng 08 năm 2024
V/v: Ly hôn, giải quyết nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và ông Nguyễn Văn Hữu

- Thư ký phiên toà: Bà Bạch Thị Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Q. Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10/7/2024 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian và hình thức phiên tòa xét xử số 106/2024/TB – TA ngày 23/8/2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Doãn Thị L**, sinh năm 1984. Nghề nghiệp: Công nhân. Địa chỉ: **Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An**. Có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh **Hồ Văn N**, sinh năm 1987. Nghề nghiệp: Công nhân. Địa chỉ: **Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh**. Có đơn xin vắng mặt

Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc: Ông **Đinh Xuân G** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị **Doãn Thị L** trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị **Doãn Thị L** kết hôn với anh **Hồ Văn N** vào ngày

17/3/2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Việc tìm hiểu và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn do không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị L và anh N đã sống ly thân 14 năm nay. Tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể đoàn tụ được nữa, nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 19/7/2009. Chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, anh Hồ Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Về phần tìm kiếm, kết hôn và đăng ký kết hôn giữa vợ chồng đúng như trình bày của chị L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm. Từ năm 2010, chị L về sinh sống với bố mẹ đẻ tại Nghệ An nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã lâu, hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ nên anh N cũng nhất trí ly hôn như đề nghị của chị Doãn Thị L.

- Về con chung: Anh N và chị L có một con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 19/7/2009. Thời điểm khai sinh tại UBND xã T lấy tên là Hồ Đức D. Tuy nhiên, khi chị L về Nghệ An sinh sống đã tự ý thay đổi tên cháu là Hồ Đức M. Từ khi cháu đi học đến nay, cháu đã lấy tên là Hồ Đức M, để thuận lợi cho cháu trong hồ sơ, giấy tờ, học bạ thì anh N cũng nhất trí lấy lên cháu là Hồ Đức M.

Anh N nhất trí giao cháu Hồ Đức M cho chị Doãn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Hiện nay do điều kiện hoàn cảnh xa cách, kinh tế khó khăn, không thể đến trực tiếp tham gia các buổi làm việc, phiên tòa xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà được. Vì vậy, anh N xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên tòa giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị L và anh.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2024, ông Hồ Xuân S (bố đẻ của anh Hồ Văn N) thừa nhận chị Doãn Thị L và anh Hồ Văn N có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã T, huyện T. Từ năm 2010, chị L về sinh sống tại Nghệ An, nên hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng chị L và anh N có 1 con chung là Hồ Đức M, sinh ngày 19/7/2009. Thời điểm khai sinh tên là Hồ Đức D nhưng sau đó chị L tự ý đổi tên thành Hồ Đức M. Từ trước đến nay, cháu M sinh sống với chị L ở Nghệ An, thỉnh thoảng về chơi với ông bà. Việc chị L làm đơn

xin ly hôn, gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

* *Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án. Bị đơn có bản tự khai thể hiện đầy đủ ý kiến của mình, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đủ căn cứ giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

+ Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Doãn Thị L** xin được ly hôn anh **Hồ Văn N**;

+ Về con chung: Giao con chung là **Hồ Đức M**, sinh ngày 19/7/2009 cho chị **Doãn Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **Hồ Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **N** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét;

+ Về án phí: Chị **Doãn Thị L** phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú **xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đã có đơn xin vắng mặt. Do đó, đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Doãn Thị L** và anh **Hồ Văn N** kết hôn với nhau vào ngày 17/3/2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2010, chị **L** về nhà bố mẹ đẻ tại Nghệ An, nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Vì vậy, chị **Doãn Thị L** làm đơn xin ly hôn với anh **Hồ Văn N**.

Qua bản tự khai, anh **Hồ Văn N** cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã lâu, hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ nên anh **N** cũng nhất trí ly hôn như đề nghị của chị **Doãn Thị L**.

Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía, vợ chồng đã sống ly thân gần 14 năm nay, thiếu tình cảm yêu thương, không tìm được tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình, hôn nhân gia đình chỉ tồn tại trên giấy tờ, cả chị **L** và anh **N** đều nhất trí ly hôn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Doãn Thị L** về việc xin ly hôn anh **Hồ Văn N** là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là **Hồ Đức M**, sinh ngày 19/7/2009.

Chị **L** và anh **N** đều nhất trí giao con chung cho chị **Doãn Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị của anh **N** và chị **L** phù hợp với nguyện vọng của cháu **M** cũng như thực tế cháu **M** đã sinh sống với chị **L** từ trước đến nay. Vì vậy, dựa trên ý kiến của các đương sự và để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất cũng như tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu **M**, cần giao con chung là **Hồ Đức M** cho chị **Doãn Thị L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh **Hồ Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Hai đương sự đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị **Doãn Thị L** là người khởi kiện nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 235; Điều 266 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56; 57; 58, 81, 82,

83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Doãn Thị L** được ly hôn anh **Hồ Văn N**.

2. *Về quan hệ nuôi con chung:* Giao con chung là **Hồ Đức M**, sinh ngày 19/7/2009 cho chị **Doãn Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh **Hồ Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. *Về án phí:* Chị **Doãn Thị L** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị **L** đã nộp theo biên lai số 0005411, ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị **Doãn Thị L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh **Hồ Văn N** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Huệ